

Số: 101/BC-SNV

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 02 năm 2020

## BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá, xếp hạng để xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 4606/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành về việc Ban hành Bộ tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, cách tính điểm xếp hạng, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND (sau đây gọi chung là các sở), UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là các huyện). Trong đó, giao Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện, xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, các huyện.

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các thành viên Tổ thẩm định, Sở Nội vụ tổng hợp kết quả đánh giá, xếp hạng, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, UBND cấp huyện như sau:

### **PHẦN I: CẤU TRÚC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **I. CẤU TRÚC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở**

Chỉ số CCHC của các sở được đánh giá xác định trên 7 lĩnh vực, 36 tiêu chí và 66 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 5 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.

c) Cải cách thủ tục hành chính: 7 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 6 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

e) Cải cách tài chính công: 6 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần.

f) Hiện đại hoá hành chính: 5 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.

## **2. Chỉ số cải cách hành chính của các huyện**

Chỉ số CCHC các huyện được xác định trên 7 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 5 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện: 3 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

c) Cải cách thủ tục hành chính: 8 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 7 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.

e) Cải cách tài chính công: 3 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

f) Hiện đại hoá hành chính: 5 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần.

## **II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Theo Quy định tại Quyết định số 4606/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh, Chỉ số CCHC được xây dựng riêng cho các sở và các huyện; được xác định bằng tỉ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” sau khi thẩm định và “Tổng điểm tối đa” (100 điểm).

Như vậy, Chỉ số CCHC được so sánh giữa các sở với các sở và giữa các đơn vị cấp huyện với nhau, theo phương pháp đánh giá như sau:

1. Các đơn vị tự đánh giá, chấm điểm theo thang điểm đã quy định.

2. Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các sở, các huyện.

3. Trên cơ sở tự đánh giá chấm điểm của các đơn vị và ý kiến thẩm định của các thành viên Tổ thẩm định, Sở Nội vụ tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả đánh giá xác định Chỉ số CCHC của các sở, các huyện trong tỉnh.

## **PHẦN II: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019**

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

#### **1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm**

Thực hiện Quyết định số 4606/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND tỉnh; ngày 15/11/2019 Sở Nội vụ ban hành Công văn số 2260/SNV-CCHC và Công văn số 2261/SNV-CCHC về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định chỉ số CCHC cấp huyện và cấp sở; trong đó hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là huyện), các các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh (gọi tắt là Sở) triển khai thực hiện việc xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm, gửi báo cáo kết quả tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và tài liệu kiểm chứng của đơn vị mình về Sở Nội vụ trước ngày 10/12 hàng năm. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng của các đơn vị đều đầy đủ và hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số báo cáo sơ sài, không rõ nội dung, tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ nên việc thẩm định, đánh giá lại của Sở Nội vụ và các thành viên Tổ thẩm định gặp nhiều khó khăn. Sở Nội vụ đã tổng hợp, rà soát lại kết quả chấm điểm để bảo đảm tính chính xác theo đúng các văn bản hướng dẫn. Đối với điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần các sở, các huyện tự chấm có đầy đủ căn cứ, đúng theo quy định thì thống nhất với kết quả tự chấm đó. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm không chính xác, thiếu căn cứ, Sở Nội vụ gửi văn bản đề nghị các đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình cụ thể các nội dung cần thiết (Công văn số 2699/SNV-CCHC ngày 31/12/2019). Trên cơ sở tài liệu kiểm chứng bổ sung hoặc giải trình của các đơn vị, Sở Nội vụ đề xuất điểm cụ thể; đồng thời tham vấn ý kiến của các thành viên Tổ Thẩm định bằng văn bản để xác định kết quả chỉ số CCHC của từng đơn vị. Tổng hợp ý kiến của các thành viên Tổ Thẩm định, Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng để xác định Chỉ số CCHC của các sở, các huyện trên địa bàn tỉnh năm 2019.

#### **2. Xây dựng báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC**

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, các huyện đã được Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh, Sở Nội vụ xây dựng báo cáo chi tiết tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2019. Báo cáo đã tập trung phân tích kết quả Chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí của Chỉ số CCHC đối với từng sở, từng huyện,

các kết quả này được biểu diễn cả bằng biểu đồ để thuận tiện cho việc so sánh, đánh giá. Báo cáo cũng phân tích sự biến động của các chỉ số thành phần để thấy được những điểm mạnh, yếu của từng sở, huyện trong việc triển khai CCHC trên từng lĩnh vực, tiêu chí. Các thông tin của báo cáo Chỉ số CCHC năm 2019 có ý nghĩa quan trọng, giúp các sở, các huyện có căn cứ nhận biết và điều chỉnh việc triển khai công tác CCHC của đơn vị, địa phương mình đối với từng lĩnh vực để đạt kết quả cao hơn trong những năm sau; đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu về CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ**

### **1. Chỉ số Tổng hợp**

Nhìn chung, Chỉ số Cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ngành đã phản ánh rõ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của đơn vị đó. Hầu hết các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện Cải cách hành chính của đơn vị theo yêu cầu nhiệm vụ và chủ trương cải cách hành chính của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị còn chưa thực sự chú trọng, quan tâm thực hiện cải cách hành chính để đạt kết quả cao trong xác định Chỉ số số cải cách hành chính năm 2019

- Chỉ số CCHC năm 2019 trung bình của các sở, ngành so với số điểm tối đa (100) là 88,95%; trong đó, 10 đơn vị xếp loại xuất sắc có điểm Chỉ số CCHC từ 90% số điểm trở lên; 09 đơn vị xếp loại tốt có điểm Chỉ số CCHC từ 80% trở lên; 01 đơn vị xếp loại khá có số điểm 73,5%, cụ thể như sau:

- 10 đơn vị xếp loại xuất sắc có số điểm Chỉ số CCHC từ 90% trở lên, gồm: Sở Tài chính xếp vị trí đầu với chỉ số đạt (93,5%), tiếp đến là Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp (93%), Văn phòng UBND tỉnh (92,5%), Sở Kế hoạch và Đầu tư (92,25%), Sở Thông tin và truyền thông (91%), Sở Giao thông vận tải (91%), Sở Nội vụ (91%); Sở Công thương (90,5%); Sở Tài nguyên và Môi trường (90%), Sở Khoa học và Công nghệ (90%).

- 09 đơn vị xếp loại tốt có số điểm Chỉ số CCHC từ 80% trở lên gồm: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (89,75%), Sở Ngoại vụ (89,5%); Sở Xây dựng (89%), Sở Tư pháp (89%), Sở Nông nghiệp và PTNT (89%); Ban Dân tộc (88,5%), Sở Giáo dục và Đào tạo (87%), Sở Y tế (86,75%), Thanh tra tỉnh 82,25%).

- 01 đơn vị xếp loại khá: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị có Chỉ số cải cách hành chính thấp nhất, có số điểm 73,5%.

Nhìn chung, Chỉ số Cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ngành đã phản ánh rõ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của đơn vị đó. Hầu hết các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện Cải cách hành chính của đơn vị theo yêu cầu nhiệm vụ và chủ trương cải cách hành chính của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị còn chưa thực sự chú trọng, quan tâm thực hiện cải cách hành chính để đạt kết quả cao trong xác định Chỉ số số cải cách hành chính năm 2019

(có bảng tổng hợp chỉ số thành phần từng lĩnh vực chỉ số CCHC cấp sở năm 2019 và biểu đồ hình 1 kèm theo).

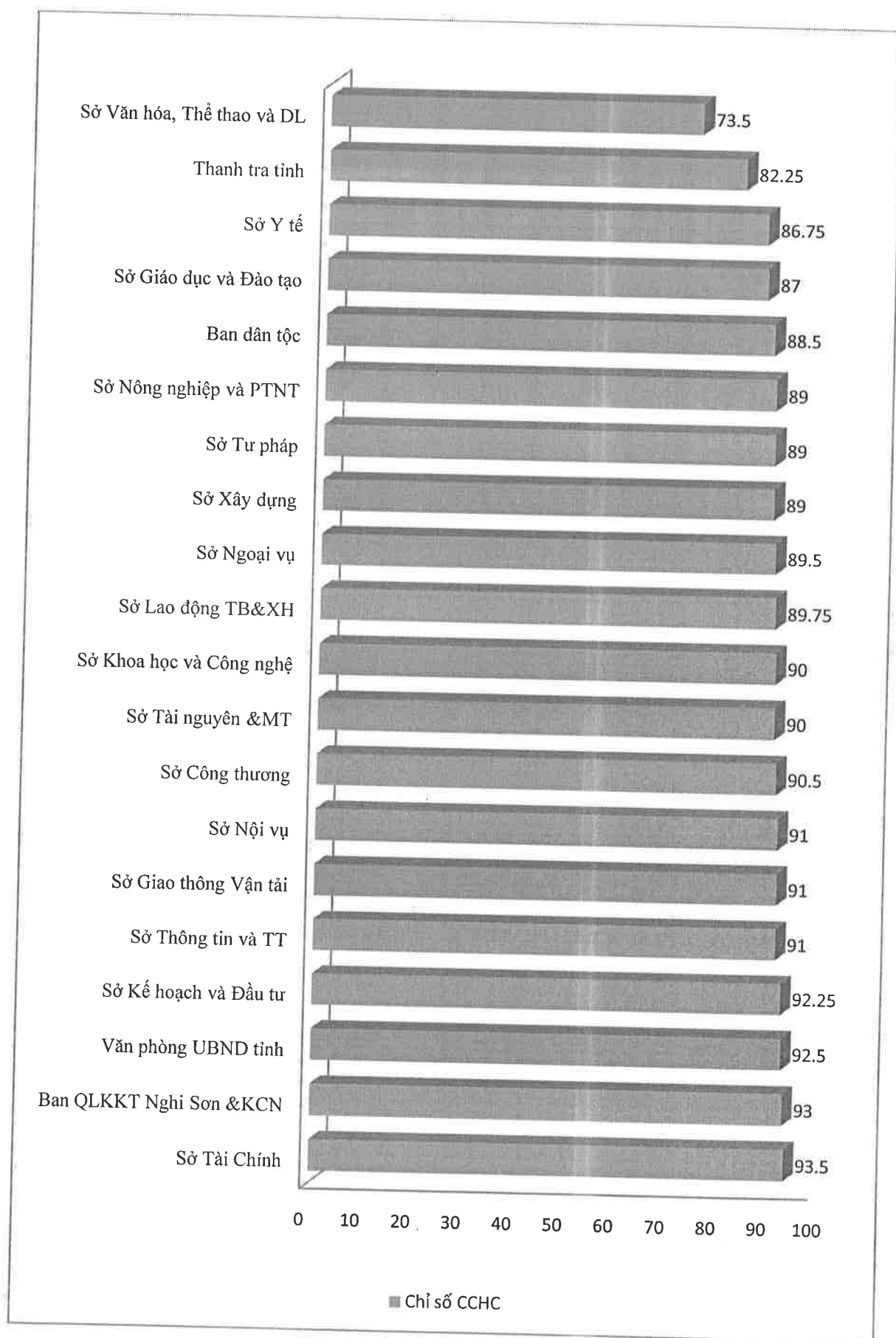
**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TỪNG LĨNH VỰC CHỈ SỐ CCHC CẤP SỞ NĂM 2019**

Đơn vị	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (19)		XD VÀ TỎ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL (10)		CẢI CÁCH TTHC (20.5)		CẢI CÁCH TCBM HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (10)		XD VÀ NC CHẤT LƯỢNG CBCCVC (15)		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG (10)		HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH (15.5)		Chỉ số Cải cách hành chính
	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	
<b>Điểm (Tự chấm: TC; Thẩm định: TĐ)</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	
<b>I. NHÓM CÁC ĐƠN VỊ XẾP LOẠI XUẤT SẮC</b>															
Sở Tài Chính	18.5	17.5	10	10	20.5	20.5	10	10	14	14	10	10	15.5	11.5	93.5
Ban QLKKT Nghi Sơn & KCN	19	19	10	9	20.5	20.5	10	10	14.5	14	10	10	15.5	10.5	93
Văn phòng UBND tỉnh	19	15.5	10	10	20.5	20	10	9	15	13	10	10	15.5	15	92.5
Sở Kế hoạch và Đầu tư	15.25	17.25	10	10	20	20	9.5	9.5	13.5	13.5	10	9	13	13	92.25
Sở Thông tin và TT	19	15	10	9	20.5	20.5	10	10	14	14	10	9	14.5	13.5	91
Sở Giao thông Vận tải	19	18	10	10	20	20	10	10	14	14	10	9.5	11	9.5	91
Sở Nội vụ	19	19	10	9	20.5	20	10	10	15	14	10	9	10.5	10	91
Sở Công thương	19	19	10	9	20.5	20.5	10	8	14	12.5	10	8	15	13.5	90.5
Sở Tài nguyên & MT	18	18	10	10	20.5	20	10	10	13.5	13.5	10	10	9	8.5	90
Sở Khoa học và Công nghệ	19	19	10	10	20.5	20	10	10	15	14	10	7	13.5	10	90

Đơn vị	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (19)	XD VÀ TỎ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL (10)	CẢI CÁCH TTHC (20.5)		CẢI CÁCH TCBM HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (10)		XD VÀ NC CHẤT LƯỢNG CBCVC (15)		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG (10)		HIỆN ĐẠI HÒA HÀNH CHÍNH (15.5)		Chỉ số Cải cách hành chính		
			TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ			
<b>II. NHÓM CÁC ĐƠN VỊ XẾP LOẠI TỐT</b>															
Sở Lao động TB&XH	19	17.25	10	9	20.5	20.5	10	10	14	14	10	10	11.5	9	89.75
Sở Ngoại vụ	16	16	9	9	19.5	20.5	10	10	15	15	10	9	14	10	89.5
Sở Xây dựng	19	16	10	10	20.5	20.5	9.5	9.5	15	14	10	9	13	10	89
Sở Tư pháp	17	16	10	10	20	20	10	10	15	13	10	9	15.5	11	89
Sở Nông nghiệp và PTNT	19	17	10	10	20.5	19.5	10	10	14.5	13.5	9.5	9	13.5	10	89
Ban dân tộc	14.5	15.5	10	10	20.5	20.5	10	10	15	15	10	10	14.5	7.5	88.5
Sở Giáo dục và Đào tạo	17	17	10	10	20.5	20.5	10	10	14	14	10	9	11.5	6.5	87
Sở Y tế	17.75	17.75	10	10	20.5	20.5	10	10	9	11	10	10	11.5	7.5	86.75
Thanh tra tỉnh	14.25	17.25	10	10	20.5	16.5	10	10	11	11	9	9	13	8.5	82.25

### III. NHÓM CÁC ĐƠN VỊ XẾP LOẠI KHÁ

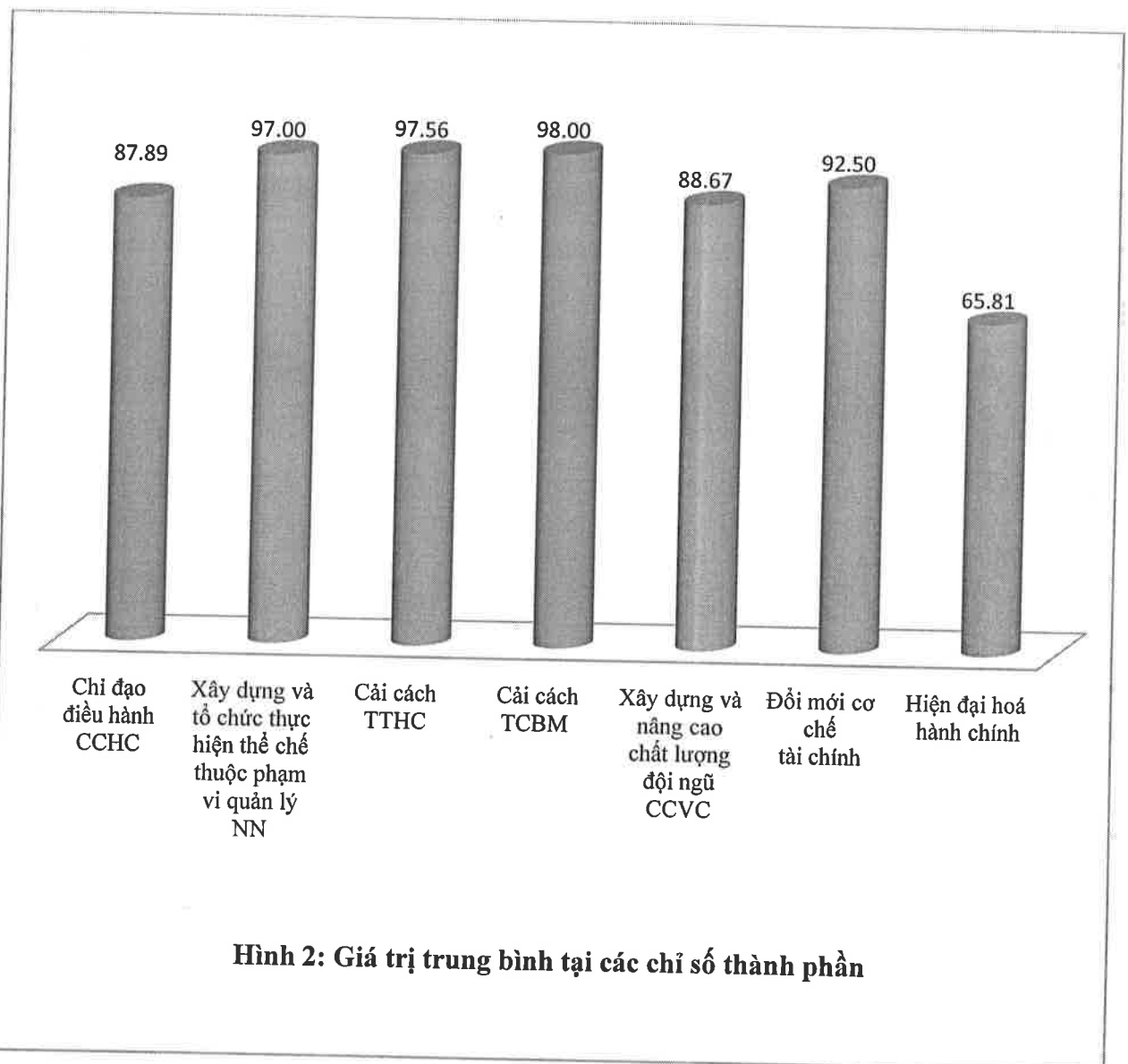
Sở Văn hóa, Thể thao và DL	19	8	10	10	19	19	10	10	13	8.5	10	9	15.5	9	73.5
Trung bình	17.86	16.75	9.95	9.70	20.30	20.00	9.95	9.80	13.90	13.28	9.93	9.23	13.33	10.20	88.95



**Hình 1: Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của các sở**



Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của chính phủ; kế hoạch CCHC năm 2019 của UBND tỉnh. Hầu hết các Sở ngành đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch CCHC; tuy nhiên, thông qua việc đánh giá từng lĩnh vực (lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách TTHC; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC công tác đổi mới cơ chế tài chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước; hiện đại hóa hành chính) thì lĩnh vực hiện đại hóa hành chính có kết quả thực hiện thấp nhất 65.81%; cao nhất là lĩnh vực tổ chức bộ máy với 98%. (chi tiết tại hình 2.)



Để đánh giá chi tiết từng lĩnh vực đạt được cũng như lĩnh vực chưa đạt đối với từng đơn vị Sở, ngành, chúng ta tiếp tục phân tích ở những nội dung dưới đây.

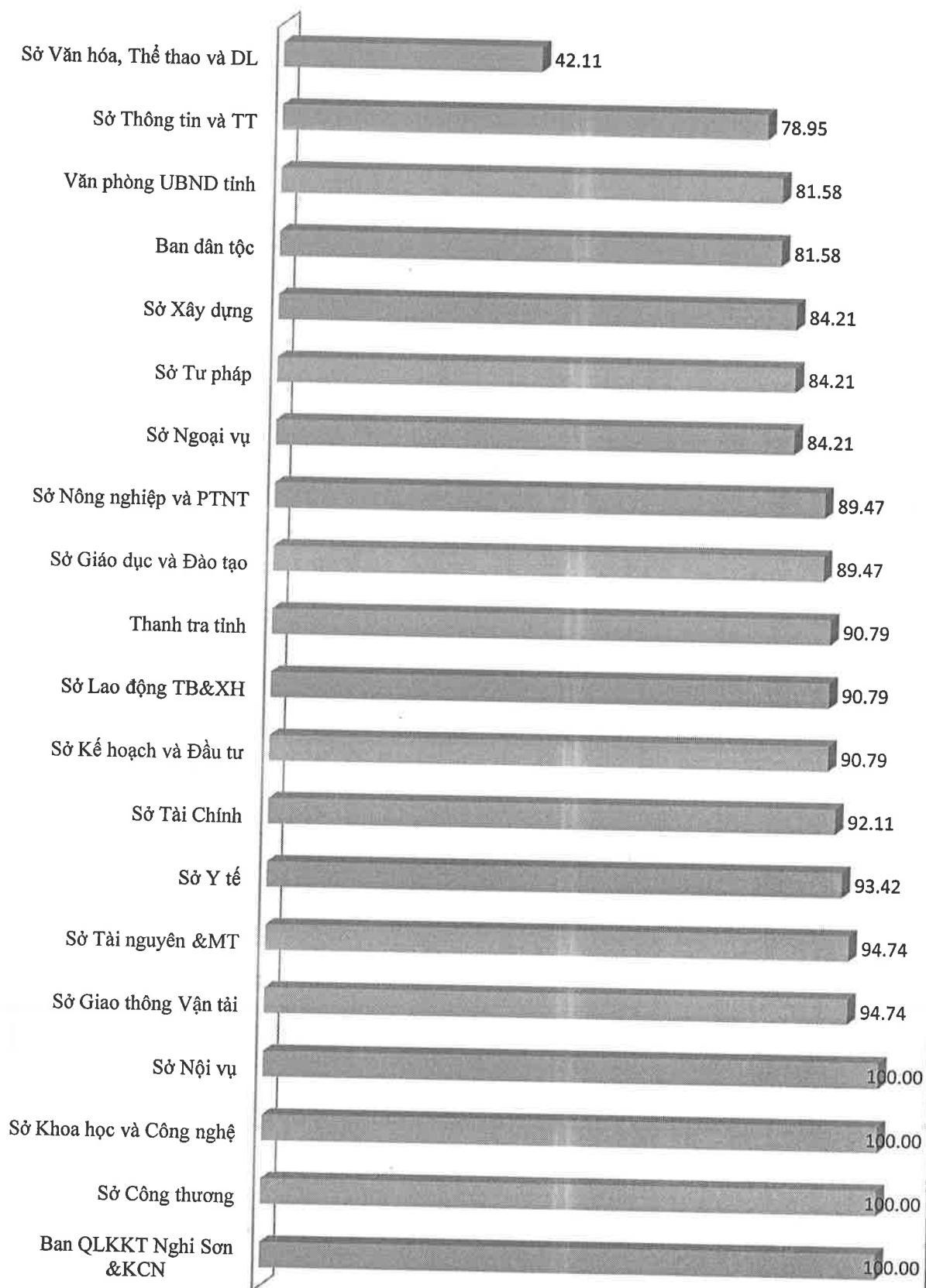
## **2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực.**

### **2.1. Chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC**

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu của CCHC. Trong năm 2019, Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục có những chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy mạnh thực hiện CCHC đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, trên cơ sở đó các sở đã cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị mình. Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 87,89% (tăng 8,56% so với năm 2018), điều đó cho thấy các sở ngày càng thấy được ý nghĩa quan trọng của việc triển khai công tác chỉ đạo điều hành CCHC. Một số Sở có kết quả cao trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC như: Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn & KCN; Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ đạt 19/19 điểm; Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường đạt 18/19 điểm.....

Các sở có chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cao là các đơn vị trong những năm qua có sự quan tâm và chủ động đối với việc triển khai CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điều này được thể hiện qua việc các sở đã ban hành kịp thời Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC; các báo cáo CCHC đầy đủ, đúng hạn, chất lượng tốt cũng như bố trí nguồn lực cho CCHC đảm bảo.

Tuy nhiên, vẫn còn một số sở chưa coi trọng và ít có sự quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng trong việc ban hành Kế hoạch cũng như tuyên truyền, kiểm tra, sự năng động trong CCHC; đặc biệt ở các tiêu chí thành phần về ban hành các Kế hoạch, báo cáo CCHC trong năm 2019, điển hình như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 8/19 điểm đạt 42,11%. (chi tiết ở hình 3)



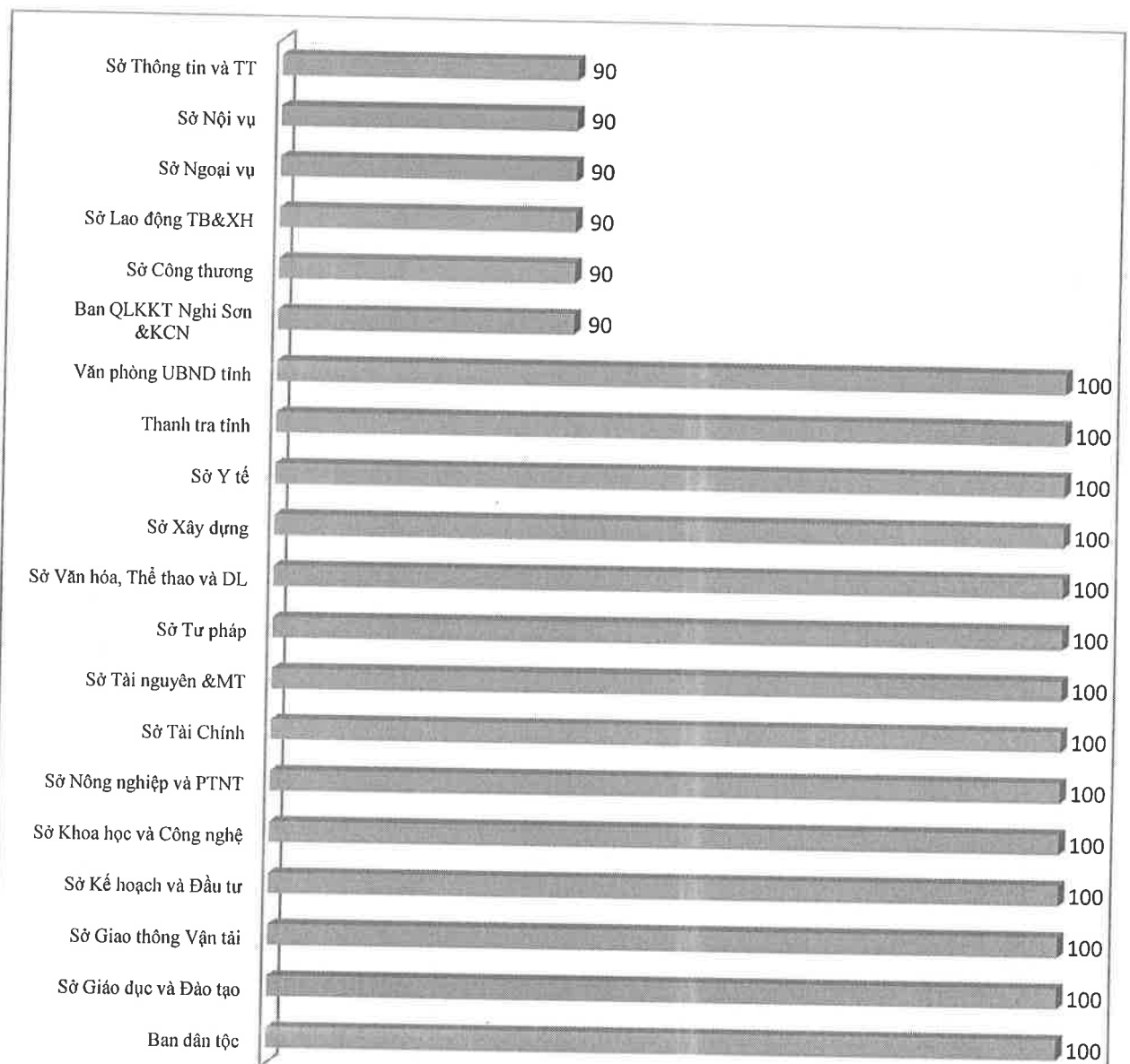
**Hình 3, Lĩnh vực chỉ đạo điều hành**

## ***2.2. Chỉ số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành***

Cải cách thể chế là một nội dung quan trọng, được tổ chức thực hiện từ những năm đầu triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2001 - 2010, Các tiêu chí của chỉ số thành phần không nằm ngoài những quy định của Chính phủ và trên cơ sở thực tiễn quản lý nhà nước của các sở. Việc không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch chậm có tác động nhất định đến mức độ và kết quả triển khai các mục tiêu và chương trình cũng như phạm vi quản lý nhà nước của các sở.

Đảm bảo chất lượng và tỷ lệ thực hiện việc kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật để có những đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền có những biện pháp xử lý kịp thời, nâng cao tính khả thi và hiệu quả của cơ chế chính sách, điều này có ý nghĩa to lớn và tác động tích cực đến công tác CCHC chung của các sở và của tỉnh.

Giá trị trung bình của chỉ số đạt 97% (tăng 20,75 % so với năm 2018); điều đó cho thấy các sở đã nghiêm túc thực hiện việc ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do sở, ngành và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các sở. Ban hành kế hoạch đúng thời gian, đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực... Qua đánh giá, hầu hết các Sở, ngành đều đạt kết quả cao trong lĩnh vực số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước, trong đó có 14 Sở ngành đạt điểm tối đa 10/10 (100%); 06 Sở đạt điểm 9/10 (90%). (chi tiết ở hình 4).



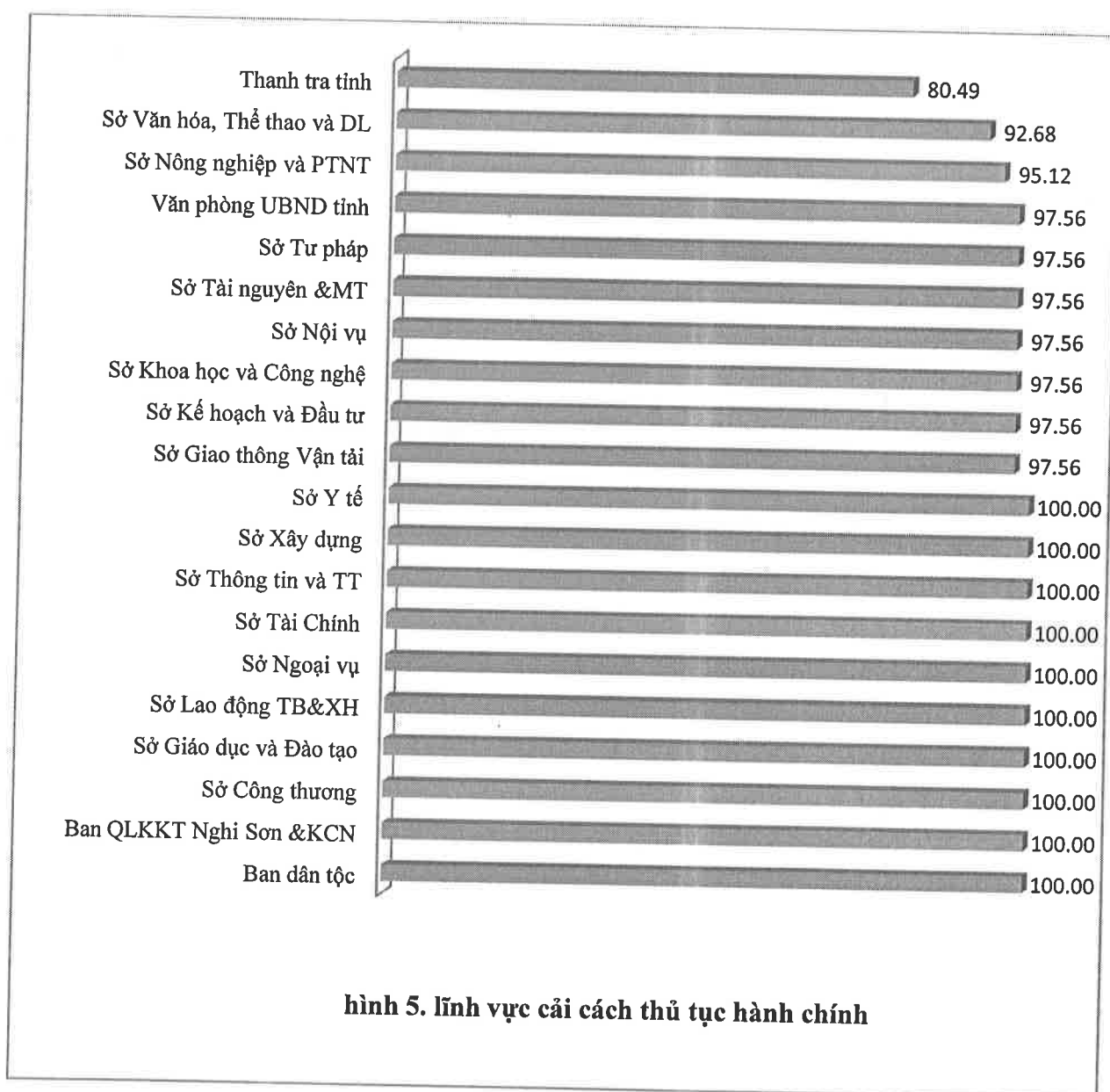
**Hình 4. lĩnh vực tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở**

### ***2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính***

Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong những năm gần đây luôn là nội dung được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng như UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và được coi là giải pháp đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc của cơ quan nhà nước với tổ chức, các

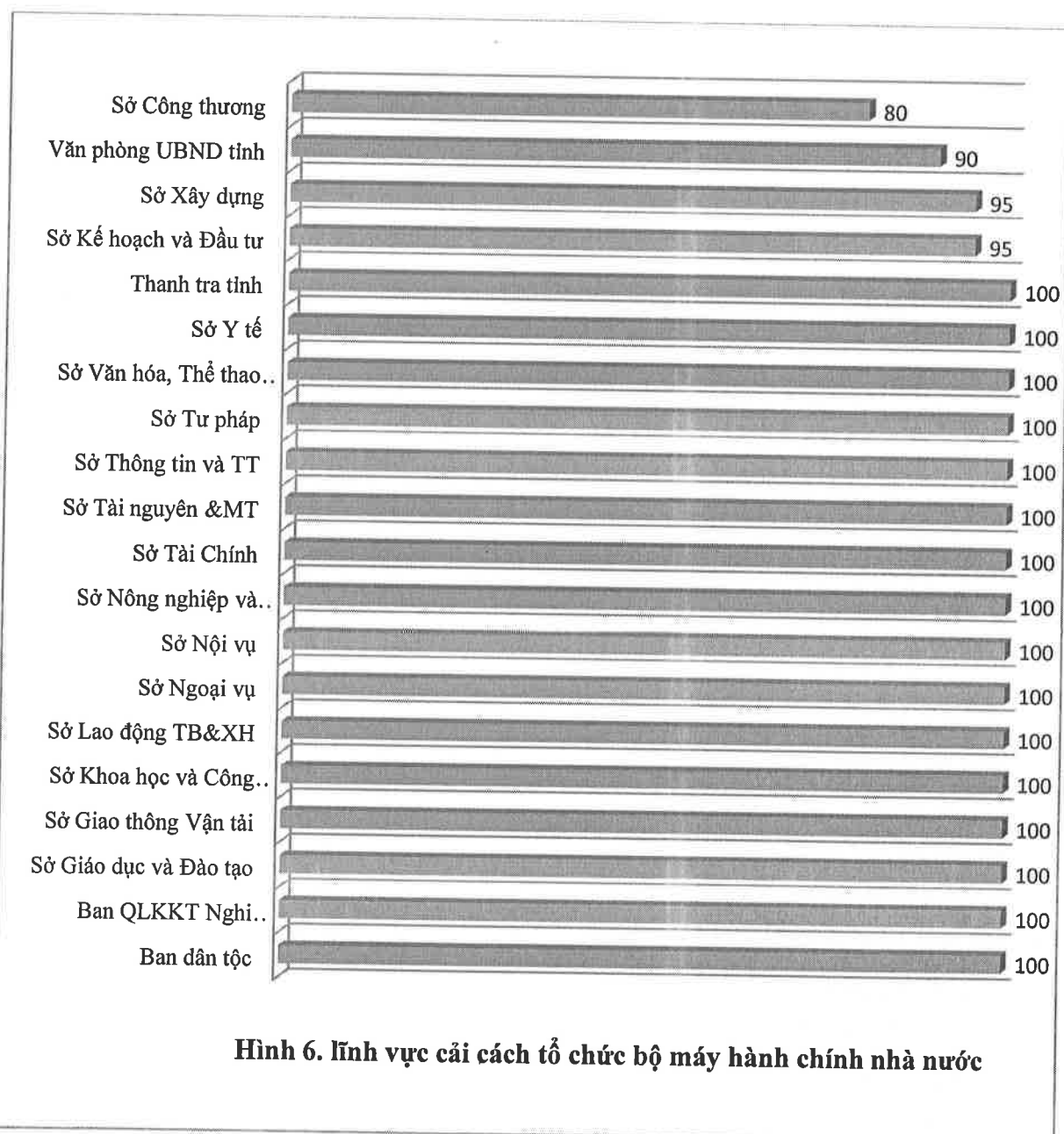
nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh CCHC nói chung và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh nói riêng.

Cải cách TTHC tại các sở có những đặc thù riêng, khác biệt so với cải cách TTHC ở địa phương. Chỉ số thành phần cải cách TTHC được xây dựng và đánh giá theo các nội dung rà soát, đánh giá, cập nhật và công khai TTHC. Phần lớn các sở, ngành có chỉ số đạt ở mức tốt, giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 97,56% (tăng 6,4% so với năm 2018). Tiêu biểu có những đơn vị đạt điểm tối đa 20,5/20,5 (100%) như: Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Ban Dân tộc.



#### 2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

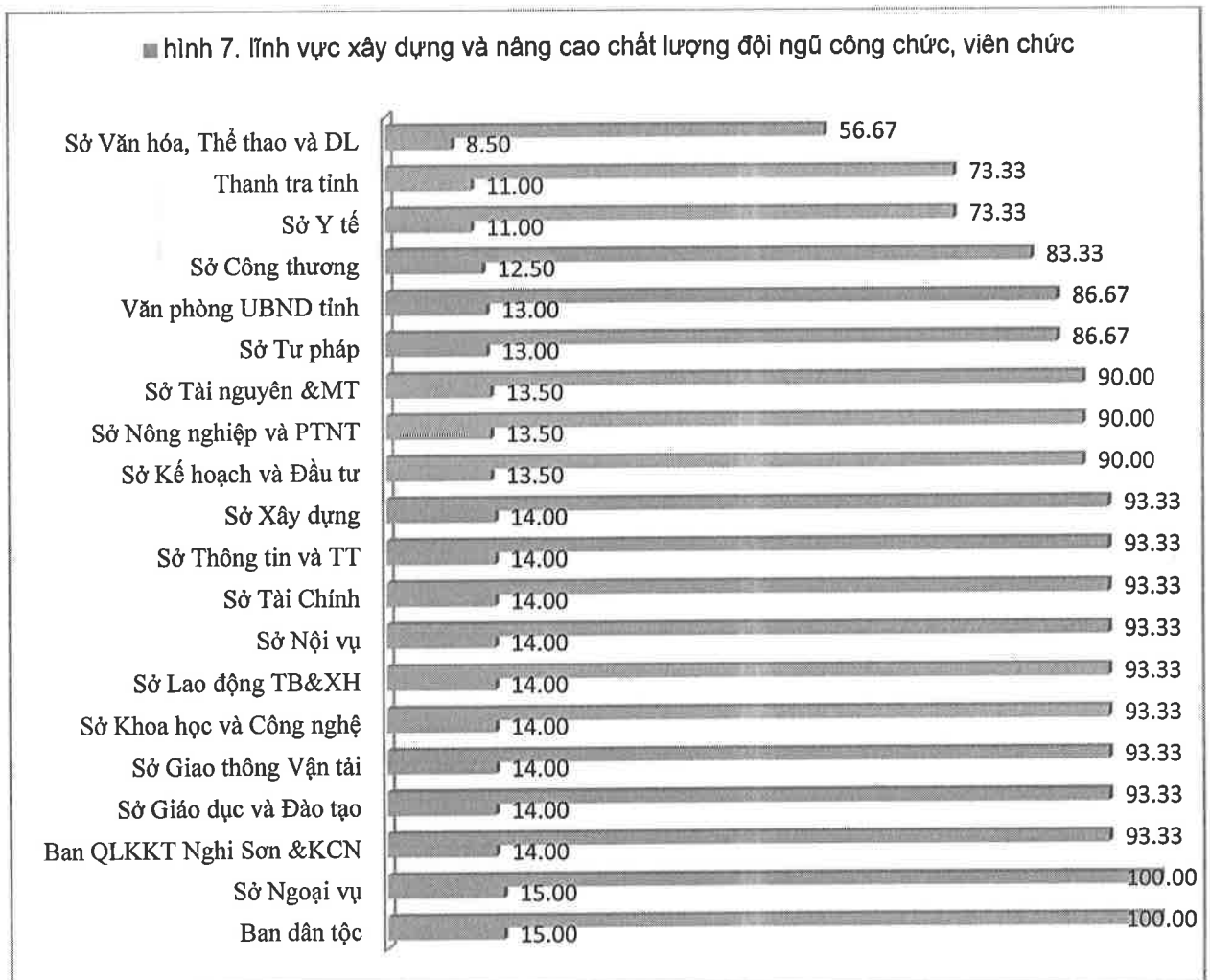
Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước nhằm hướng tới việc xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 98% (tăng 7,5% so với năm 2018). Có 16/20 Sở, ngành đạt điểm tối đa 10/10 điểm; tất cả các sở đều đạt 80% điểm trở lên. Tỷ lệ điểm số đạt được của các Sở cho thấy sự nghiêm túc trong tuân thủ triển khai các quy định của Chính phủ và của tỉnh về tổ chức bộ máy; công tác kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, phân cấp quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở.



Hình 6. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

## 2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

Sự quan tâm, đầu tư và có chính sách cụ thể đối với lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của các sở, ngành đã góp phần đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức; công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút người có tài năng vào làm việc trong cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý; vai trò của Sở Nội vụ trong việc giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý và hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức. Chỉ số thành phần của lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC có giá trị trung bình là 88,5% (tăng 2,07% so với năm 2018). Nhìn chung công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được hầu hết các sở, ngành quan tâm, điển hình các đơn vị sau: Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ đạt số điểm tối đa 15/15 (đạt 100%); tuy nhiên, bên cạnh những đơn vị đạt kết quả tốt thì vẫn còn đơn vị đạt kết quả chưa tốt như Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch đạt điểm 8,5/15 (đạt 55,67%).



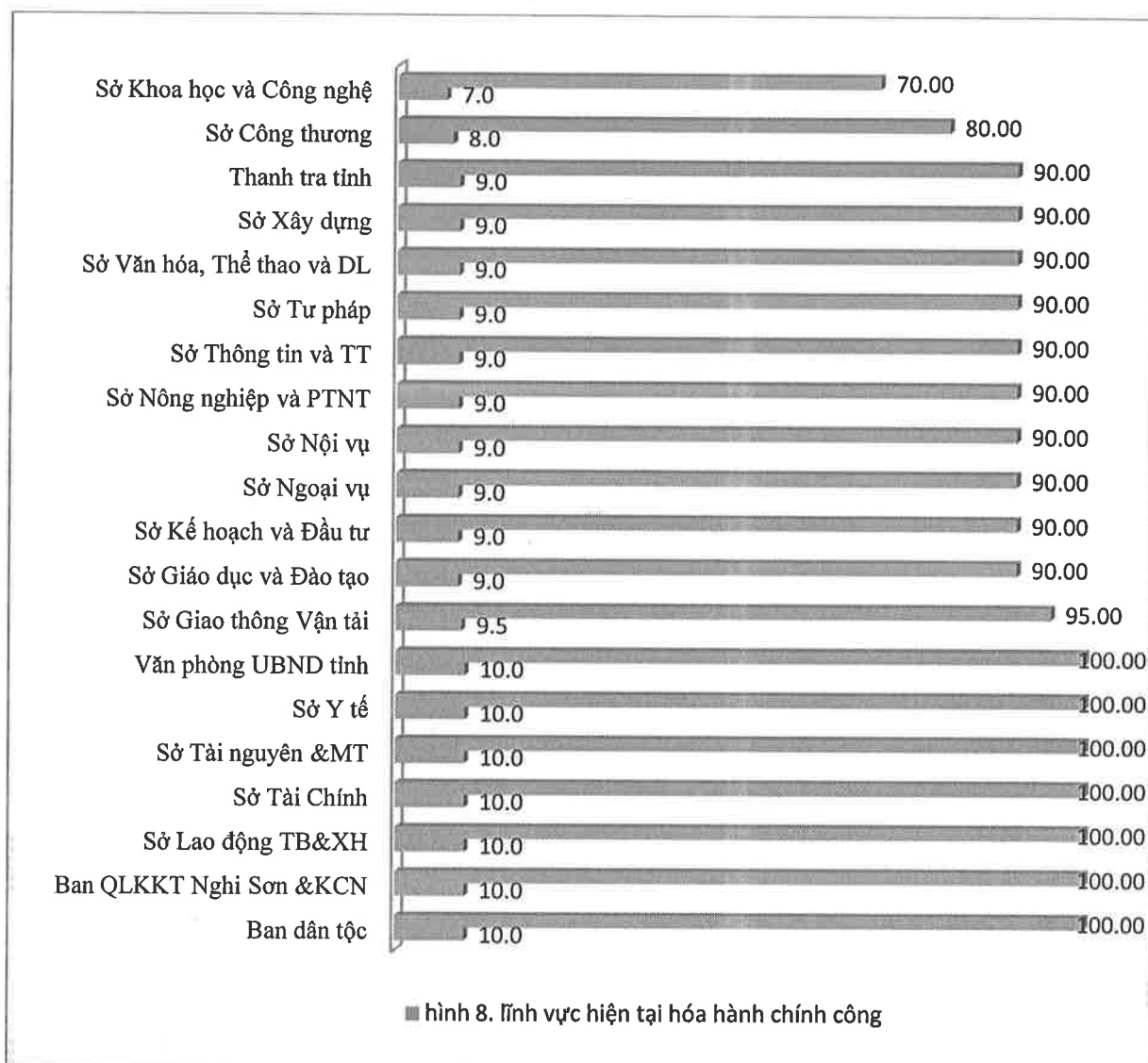


## **2.6. Chỉ số cải cách tài chính công:**

Khoản biên chế và kinh phí hành chính theo Quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cũng như thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Việc áp dụng những cơ chế này đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao tính chủ động, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể dục Thể thao, sự nghiệp kinh tế... được giao quyền tự chủ tài chính đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có kết quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công (khám chữa bệnh, đào tạo...), phát triển nguồn thu. Đơn vị sự nghiệp được tự chủ trong việc huy động các nguồn vốn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, phát triển hoạt động sự nghiệp; thông qua các hình thức vay vốn các tổ chức tín dụng, vay vốn kích cầu, huy động vốn của viên chức trong đơn vị, liên kết lắp đặt thiết bị cùng khai thác.v.v...

Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt cao 92,25% (giảm 7,75% so với năm 2018). Giá trị trung bình chỉ số này thấp hơn so với năm 2018 là do, khi có văn bản mới quy định về lĩnh vực tài chính, cơ quan đơn vị chưa thực hiện đầy đủ các văn bản triển khai để niêm yết cho cán bộ, công chức, viên chức được biết. Qua việc tổng hợp, đánh giá có 7/20 sở có chỉ số đạt tối đa 100%, 11/20 sở có chỉ số đạt 90%, 02 sở có chỉ số đạt trên 70%.



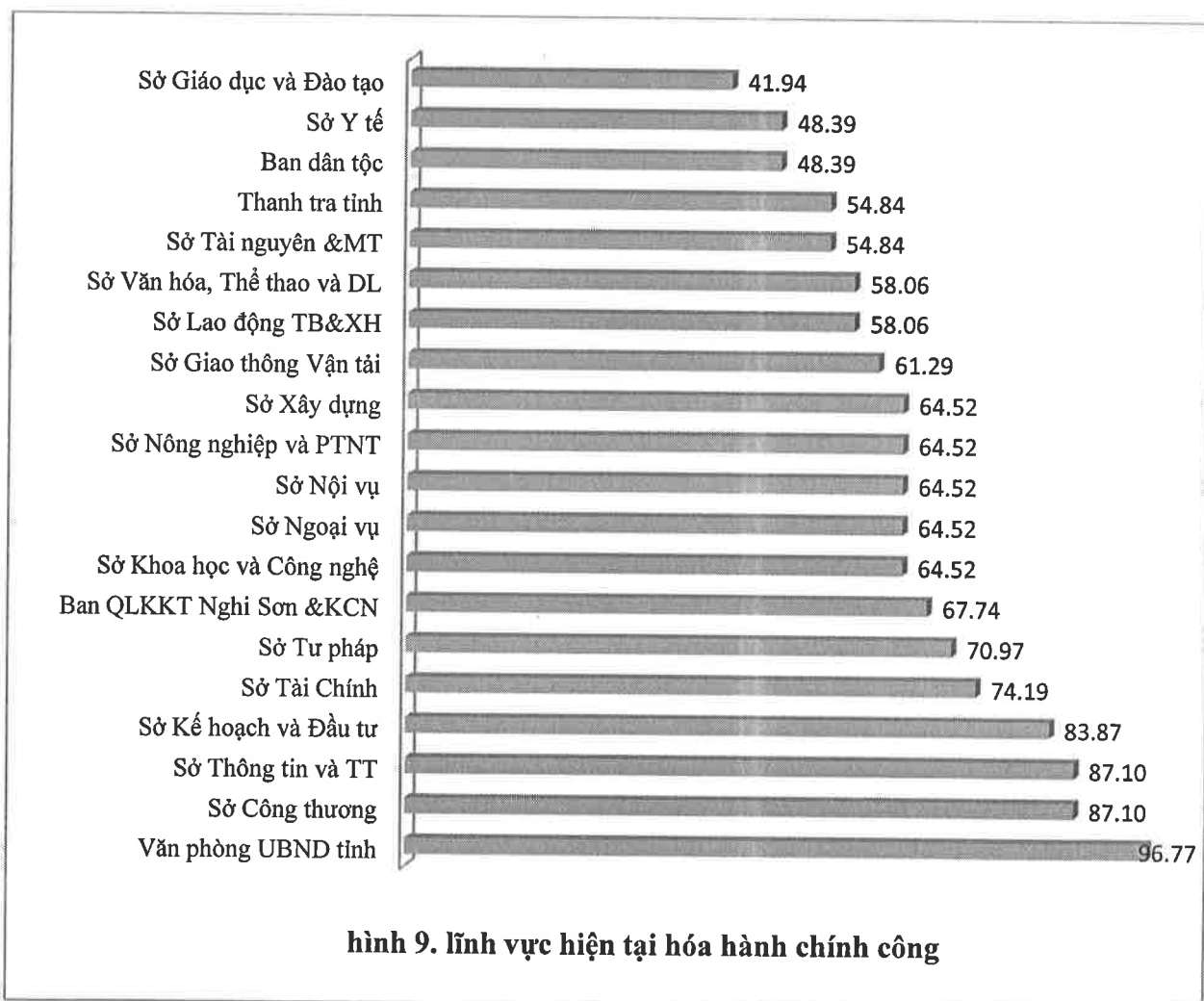
## 2.7. Chỉ số hiện đại hoá hành chính

Chỉ số thành phần Hiện đại hóa hành chính bao gồm các tiêu chí là ứng dụng công nghệ thông tin, chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) và áp dụng quy trình ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các sở, ngành đã tiến hành xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020 và theo từng năm để phù hợp với những điều kiện đặc thù và mục tiêu phát triển cụ thể của từng đơn vị. Qua điểm số đạt được của các sở tại tiêu chí thành phần, cho thấy dịch

vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4 của các cơ quan hành chính nhà nước mới bắt đầu được triển khai, chưa có nhiều thủ tục hành chính được giải quyết ở mức độ 3, 4. Việc thực hiện tốt ISO tại các sở, ngành với việc ban hành danh mục quy trình áp dụng tiêu chuẩn, tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc sở thực hiện cùng với tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng quy định cũng góp phần tăng điểm số tại Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính. Hồ sơ thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) của hầu hết các đơn vị đều ít được thực hiện, đó là một trong những nguyên nhân làm giảm kết quả chấm điểm của lĩnh vực hiện đại hóa hành chính.

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần này đạt 65,80 (giảm 12,66% so với năm 2018); qua đó cho thấy các đơn vị cần phải quan tâm hơn nữa tới việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị mình để cung cấp nhiều hơn các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4, cần nâng cao hơn nữa chất lượng các trang thông tin điện tử của đơn vị, cập nhật liên tục, đầy đủ, phong phú các nội dung để tổ chức và cá nhân dễ dàng tiếp cận và lấy thông tin một cách dễ dàng v.v... (chi tiết tại biểu đồ hình 9).



### III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

#### 1. Chỉ số tổng hợp

Qua phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2019 và chỉ số tổng hợp tại các Chỉ số theo lĩnh vực đạt được của các huyện cho thấy giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các huyện đạt được là 87,71% (tăng 9,11% so với năm 2016); có 2 nhóm Chỉ số tương ứng với kết quả xếp loại bao gồm:

- Nhóm các huyện đạt kết quả xuất sắc đạt Chỉ số trên 90%, bao gồm 9/27 huyện (cao hơn so với năm 2018), trong đó thành phố Thanh Hóa đứng đầu đạt kết quả 91,25%, huyện Đông Sơn, huyện Thọ Xuân đạt 91%; tiếp đến là huyện Hoằng Hóa, Yên Định, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Vĩnh Lộc, Quan Sơn. Đây là nhóm những huyện đạt chỉ số cao tại nhiều chỉ số thành phần, điều đó cho thấy các đơn vị thuộc nhóm này đã chỉ đạo, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính của đơn vị mình, qua đó đạt được kết quả cao trong công tác cải cách hành chính năm 2019.

- Nhóm các huyện đạt kết quả tốt bao gồm các huyện đạt chỉ số từ 80% đến dưới 90%, bao gồm 18/27 huyện còn lại, huyện có chỉ số Cải cách hành chính thấp nhất là Mường Lát, đạt 81,5%.

Qua kết quả đánh giá, chấm điểm, cho thấy một số huyện đã có sự chuyển biến trong công tác cải cách hành chính, cụ thể các huyện có kết quả chỉ số cải cách đạt loại khá năm 2018 (dưới 80%), năm 2019 đã đạt kết quả tốt lên như: Mường Lát, Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Sầm Sơn, Như Xuân, Quan Hóa, Nông Cống, Thị xã Bỉm Sơn, Thiệu Hóa, Vĩnh Lộc.

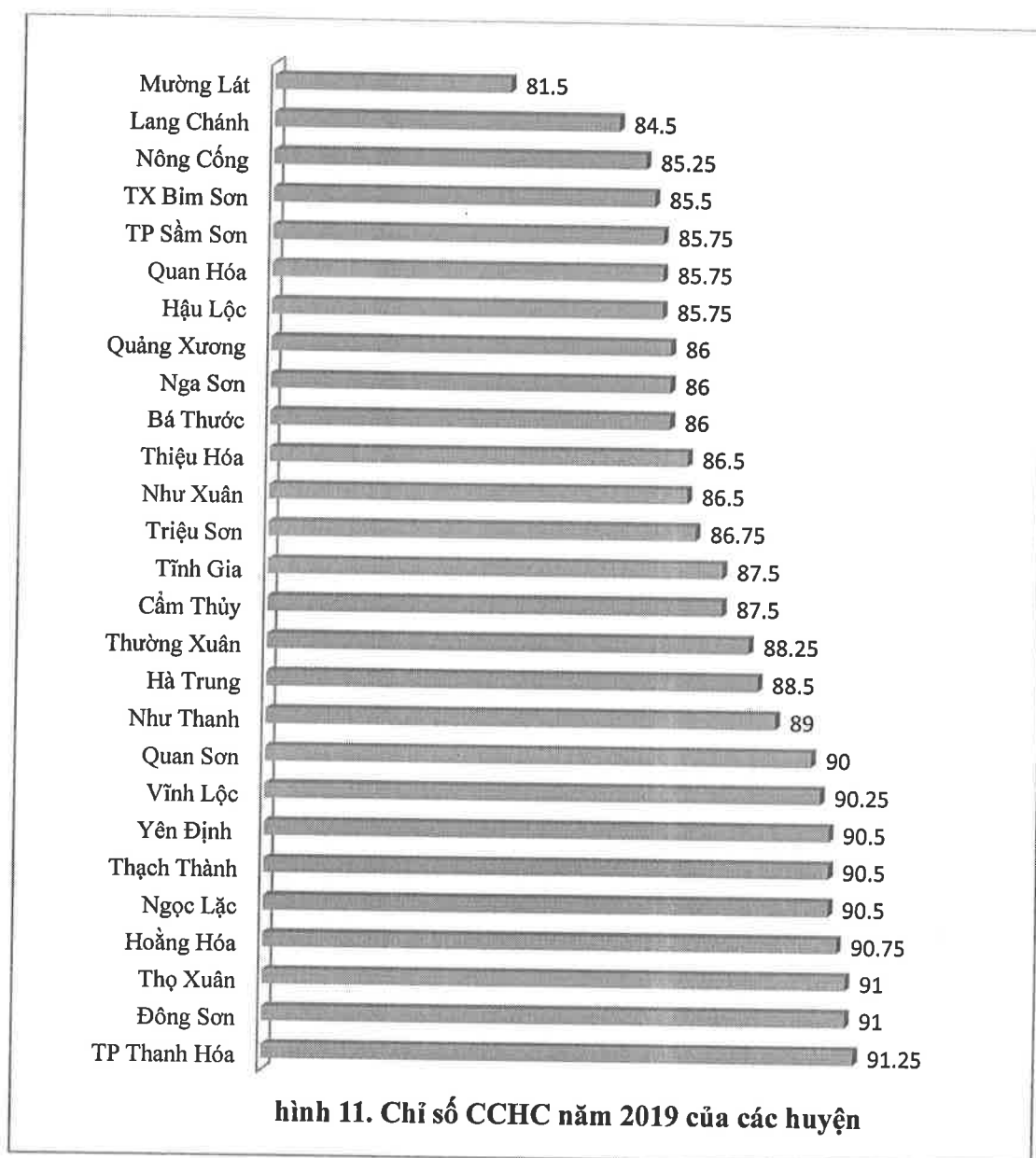
(Có bảng tổng hợp chỉ số thành phần từng lĩnh vực chỉ số CCHC cấp huyện năm 2019 và biểu đồ hình 11. Chỉ số CCHC năm 2019 của cấp huyện kèm theo)

**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TỪNG LĨNH VỰC CHỈ SỐ CCHC CẤP HUYỆN NĂM 2019**

Đơn vị	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (19)	XD VÀ TỎ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL (10)	CẢI CÁCH TTHC (20.5)	CẢI CÁCH TCBM HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (10)	XD VÀ NC CHẤT LƯỢNG CBCVC (15)	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG CỘNG (10)	HIỆN ĐẠI HÒA HÀNH CHÍNH (15.5)	Chỉ số Cải cách hành chính							
								TC	TĐ						
<b>I. NHÓM CÁC ĐƠN VỊ XẾP LOẠI XUẤT SẮC</b>															
TP Thanh Hóa	17.5	17.5	12	12	16.5	15.5	11	11	13.5	13.5	10	10.5	12.75	11.25	<b>91.25</b>
Đông Sơn	17.5	17.5	12	12	17.5	16.5	11.5	11.5	16	16	11.5	10	9	7.5	<b>91</b>
Thọ Xuân	17.5	17.5	12	12	17.5	15.5	12	12	16	16	11.5	10	13.5	8	<b>91</b>
Hoàng Hóa	17.5	17.5	12	12	17	16	11	11	15	15	10.5	9.5	12.75	9.75	<b>90.75</b>
Yên Định	17.5	17.5	12	12	17.5	16	12	12	16	15	11.5	9	13.5	9	<b>90.5</b>
Thạch Thành	15	17.5	12	12	17.5	16	12	12	16	16	11.5	10	11	7	<b>90.5</b>
Ngọc Lặc	17.5	17.5	12	12	17	15.5	11.5	11.5	16	16	11.5	10.5	7.5	7.5	<b>90.5</b>
Vĩnh Lộc	15.5	17.5	12	12	17	15.5	12	12	15.5	15.5	11.5	11.5	9.25	6.25	<b>90.25</b>
Quan Sơn	17.5	17.5	12	12	17.5	16.5	11	11	16	15.5	10.5	10.5	13.5	7	<b>90</b>
<b>II. NHÓM CÁC ĐƠN VỊ XẾP LOẠI TỐT</b>															
Như Thanh	17.5	17.5	12	12	17.5	16.5	11	11	15	15	11.5	10	9.75	7	<b>89</b>
Hà Trung	17.5	17.5	12	11.5	17	16	12	12	14	12.5	11.5	11.5	12.25	7.5	<b>88.5</b>

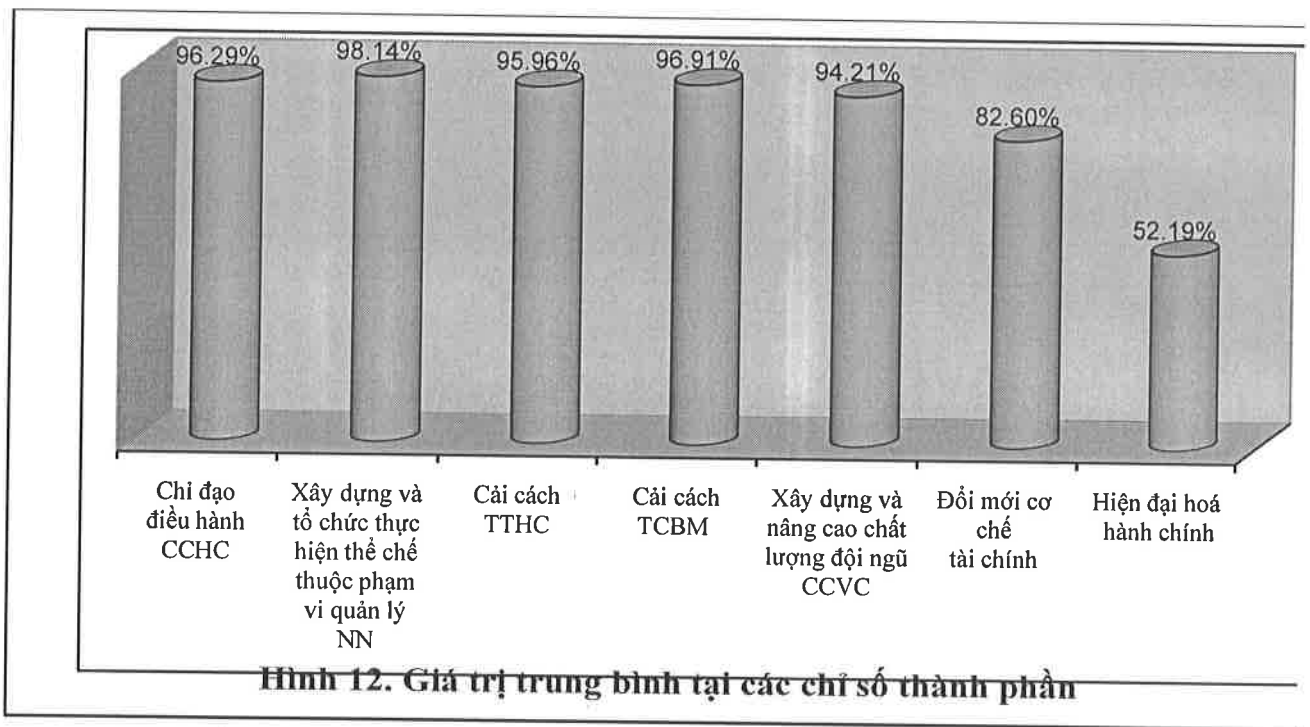
Đơn vị	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (19)		XD VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL (10)		CẢI CÁCH TTHC (20.5)		CẢI CÁCH TCBM HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (10)		XD VÀ NC CHẤT LƯỢNG CBCVC (15)		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG (10)		HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH (15.5)		Chỉ số Cải cách hành chính
	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	
<b>Điểm (Tự chấm: TC; Thâm định: TĐ)</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	<b>TC</b>	<b>TĐ</b>	
Thường Xuân	15.5	17.5	12	12	17.5	16.5	12	12	16	15	10	9	8.25	6.25	88.25
Cắm Thủy	17.5	17.5	12	12	17	15.5	12	12	16	15	11.5	10.5	10.5	5	87.5
Tỉnh Gia	15.5	15.5	12	12	17.5	16.5	12	12	16	15	9.5	9.5	12.75	7	87.5
Triệu Sơn	17.5	17.5	12	12	17.5	15.5	12	12	14.5	15.5	11.5	10	8.75	4.25	86.75
Như Xuân	17.5	17.5	11.5	12	16.5	14.5	12	12	16	15	8.5	8.5	9.25	7	86.5
Thiệu Hóa	17.5	17.5	12	12	16.5	16	10	10	15.5	14	11.5	11.5	13.5	5.5	86.5
Nga Sơn	17.5	17.5	12	12	17.5	16.5	12	11	16	15	10.5	7	10	7	86
Quảng Xương	17.5	17.5	12	12	17.5	16	12	12	14	13	9.5	9.5	12.5	6	86
Bá Thước	17.5	17.5	10	10	17.5	16	12	12	16	16	6	7	8	7.5	86
Hậu Lộc	14.5	16.5	12	12	17.5	15.5	12	12	16	15	9.5	9.5	12.75	5.25	85.75
TP Sầm Sơn	17.5	15	12	12	17	16	12	12	14.5	14.5	11	9	9.75	7.25	85.75
Quan Hóa	13.5	13.5	11.5	11.5	16	15.5	10	10	16	16	11	11	13	8.25	85.75
TX Bim Sơn	15.5	15.5	12	12	17	16	12	12	15	15	6	6	9.5	9	85.5

Đơn vị	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (19)		XD VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VBQPPL (10)		CẢI CÁCH TTHC (20.5)		CẢI CÁCH TCBM HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (10)		XD VÀ NC CHẤT LƯỢNG CBCVC (15)		CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG (10)		HIỆN ĐẠI HÒA HÀNH CHÍNH (15.5)		Chỉ số Cải cách hành chính
	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	
Điểm (Tự chấm: TC; Thăm định: TĐ)	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	
Nông Công	17.5	17	12	12	17.5	15.5	12	12	15	15	11.5	8	8.75	5.75	85.25
Lang Chánh	15	13	12	12	17.5	16.5	12	12	15	16	10.5	9.5	13.5	5.5	84.5
Mường Lát	14.5	16.5	11.5	9	16.5	14	12	12	16	16	8	8	12.25	6	81.5
Trung bình	16.65	16.85	11.87	11.78	17.17	15.83	11.67	11.63	15.43	15.07	10.33	9.50	11.03	7.05	87.71



Hầu hết các huyện, thị xã, thành phố đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch CCHC; tuy nhiên, thông qua việc đánh giá từng lĩnh vực (lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách TTHC; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC công tác đổi mới cơ chế tài chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước ; hiện đại hóa hành chính) thì có kết quả tốt nhất là lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước đạt 98,14%; thấp nhất là lĩnh vực hiện đại hóa hành 52,19%. (chi tiết tại hình 12.)





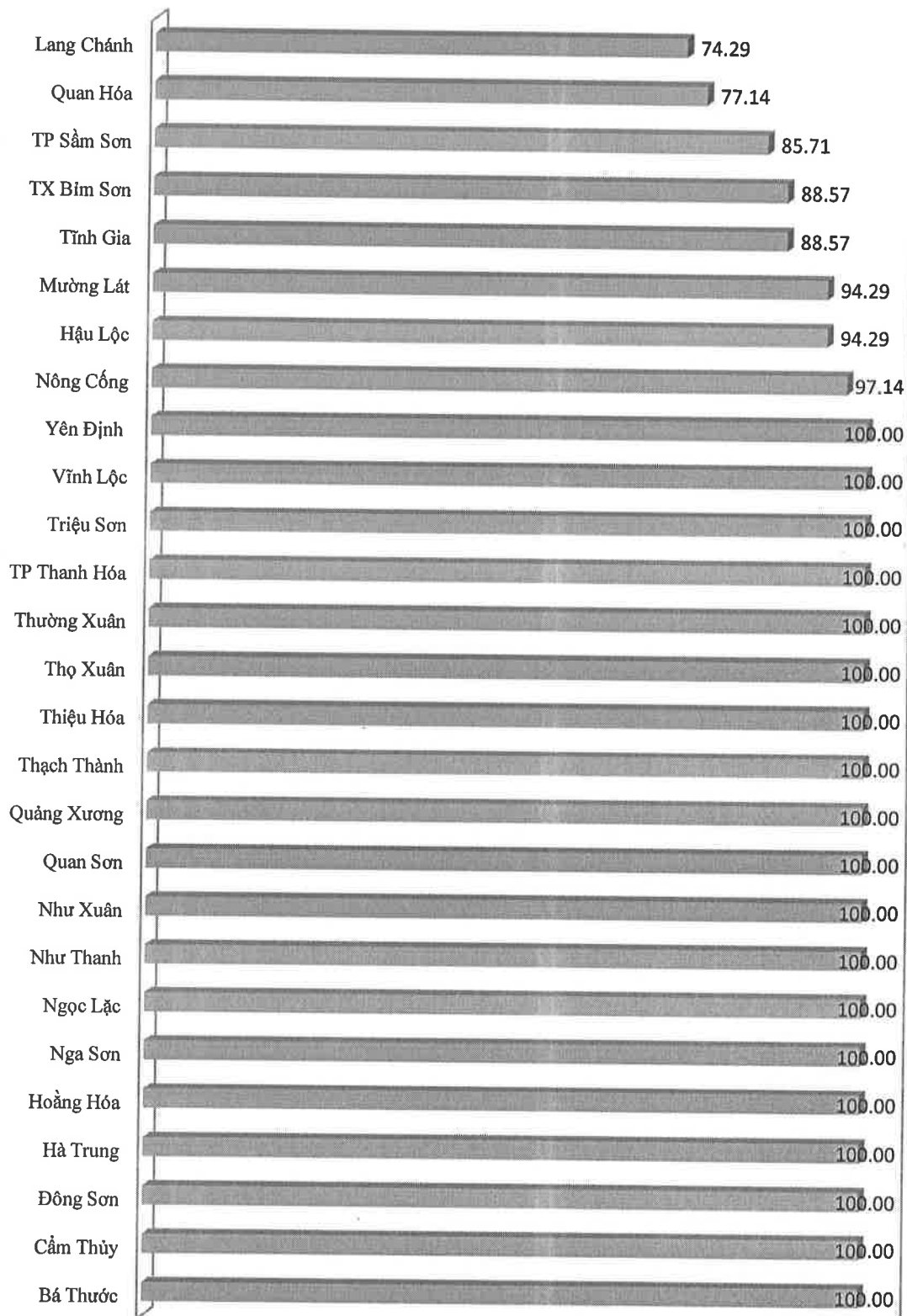
Để đánh giá chi tiết từng lĩnh vực đạt được cũng như lĩnh vực chưa đạt đối với từng đơn vị cấp huyện, chúng ta tiếp tục phân tích ở những nội dung dưới đây.

## 2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực

### 2.1. Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo huyện đối với công tác CCHC thể hiện qua việc sớm ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm, báo cáo quý, 6 tháng, kế hoạch và tổ chức kiểm tra, công tác tuyên truyền và sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC. Điều này đem lại những kết quả tích cực của CCHC tại nhóm các huyện có chỉ số cao tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC gồm có 19/27 huyện đạt 100% gồm: Bá Thước, Cẩm Thủy, Đông Sơn.v.v. Ngược lại, những huyện có kết quả chỉ số thấp tại lĩnh vực này là những huyện không có hoặc ban hành Kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền CCHC, báo cáo CCHC muộn thời gian so với quy định như huyện Lang Chánh đạt 74,29%; Quan Hóa đạt 77,14%....

Giá trị trung bình tại chỉ số này đạt 96,29% (tăng 19,29% so với năm 2018), qua đó cho thấy công tác chỉ đạo điều hành đã có những chuyển biến theo hướng tích cực hơn và cho thấy sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt hơn trong công tác CCHC của lãnh đạo các huyện. (Có chi tiết tại biểu đồ hình 13)

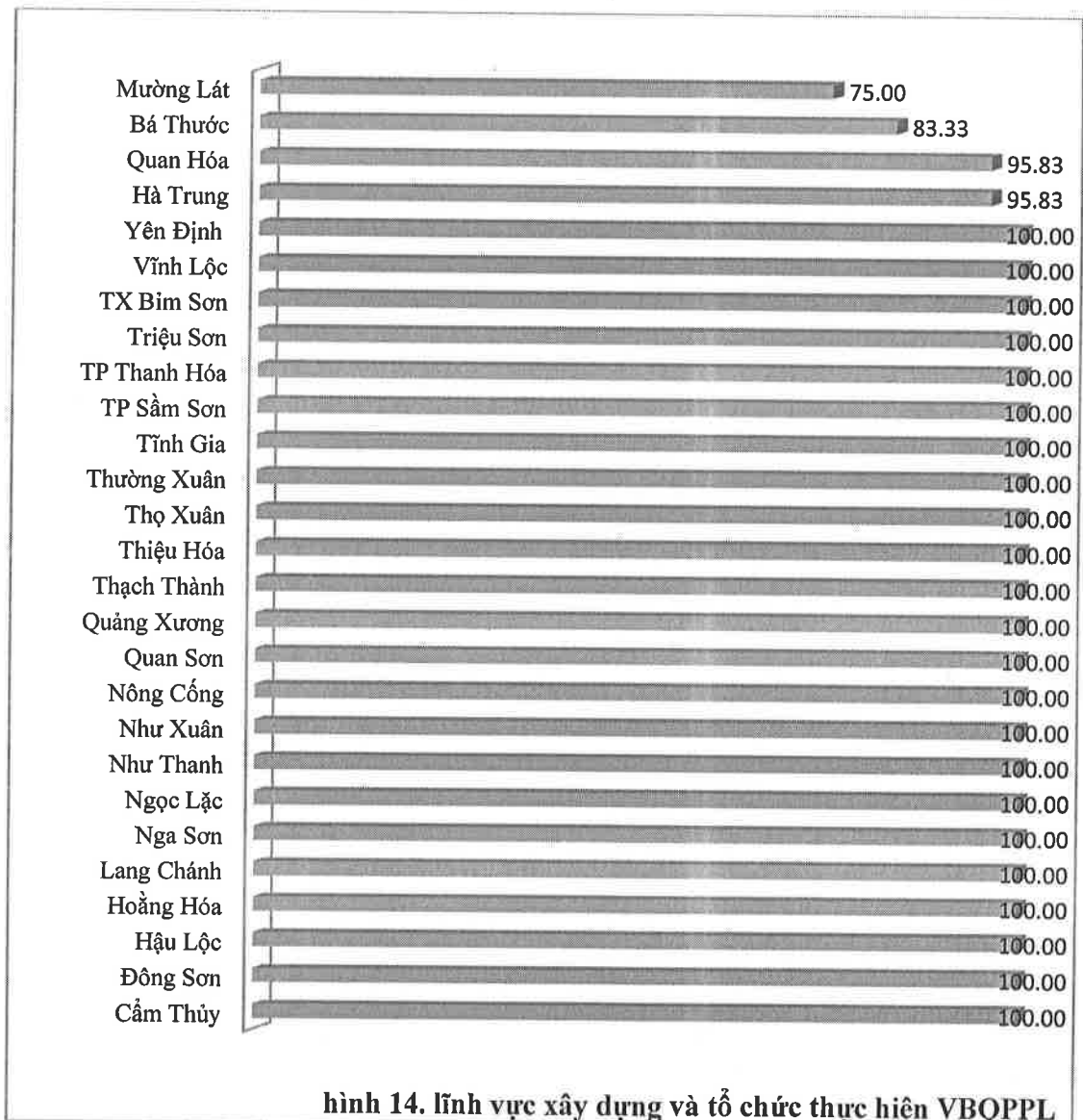


**hình 13. lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC cấp huyện**

## 2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện

Chỉ số trung bình của lĩnh vực này là 98,14% (tăng 16,89% so với năm 2018). trong đó 23 huyện, thị xã, thành phố đạt điểm tối đa 100%; huyện có điểm thấp nhất là huyện Mường Lát đạt 75%.

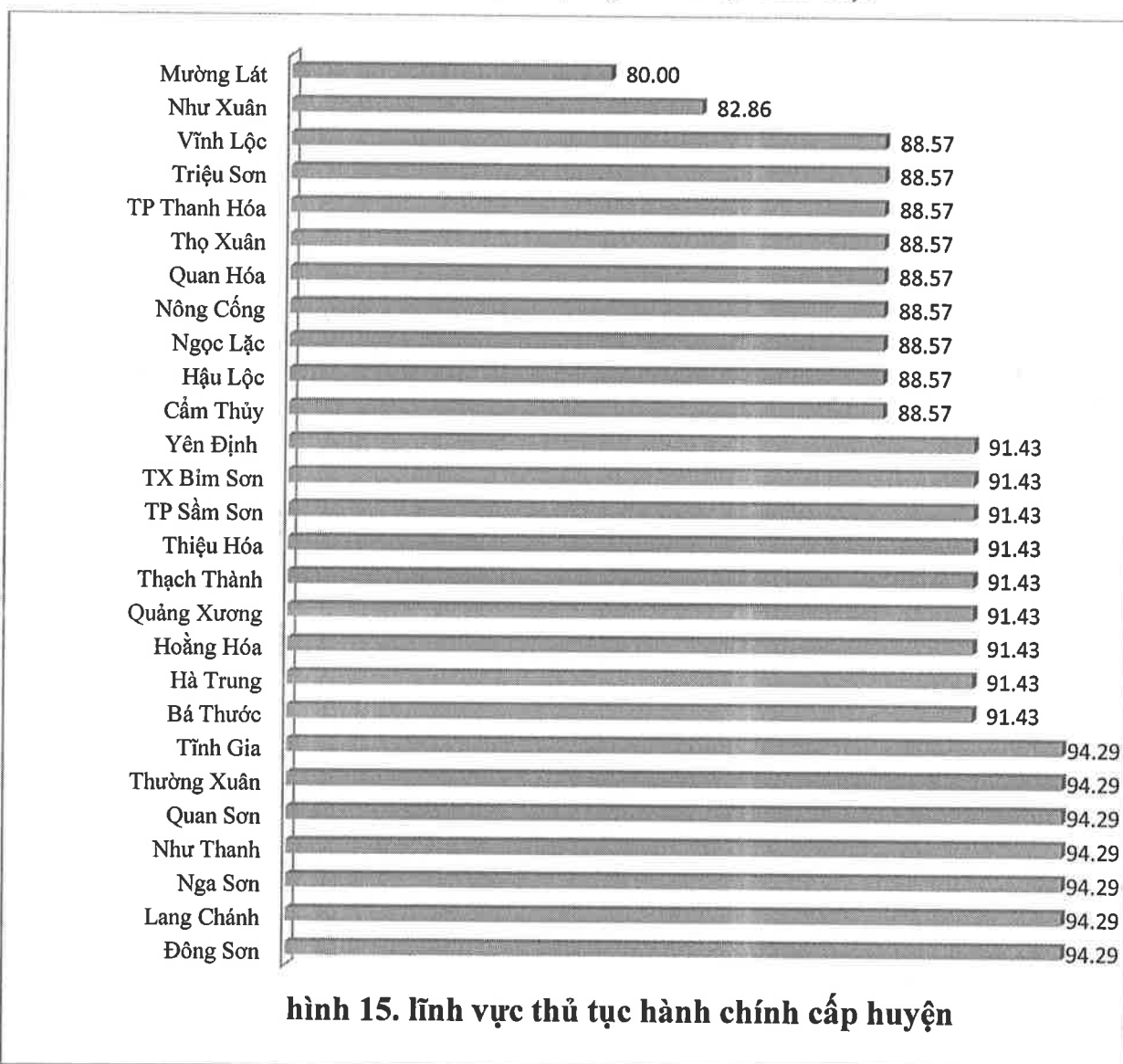
Qua rà soát, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC năm 2019 cho thấy những mặt hạn chế, bất cập trong việc thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của huyện, công tác thẩm định, rà soát và xây dựng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL trong năm 2019 ở nhiều huyện đã được quan tâm thực hiện tốt hơn năm 2018. Tuy nhiên, bên cạnh nhiều đơn vị thực hiện tốt, thì vẫn còn đơn vị thực hiện chưa tốt như huyện Mường Lát. Việc rà soát, xử lý chậm trễ nhiều trường hợp văn bản của địa phương không kịp thời, cần được chấn chỉnh kịp thời để không tạo tiền lệ xấu và đảm bảo trật tự kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. (chi tiết được thể hiện ở biểu đồ hình 14).



### 2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính

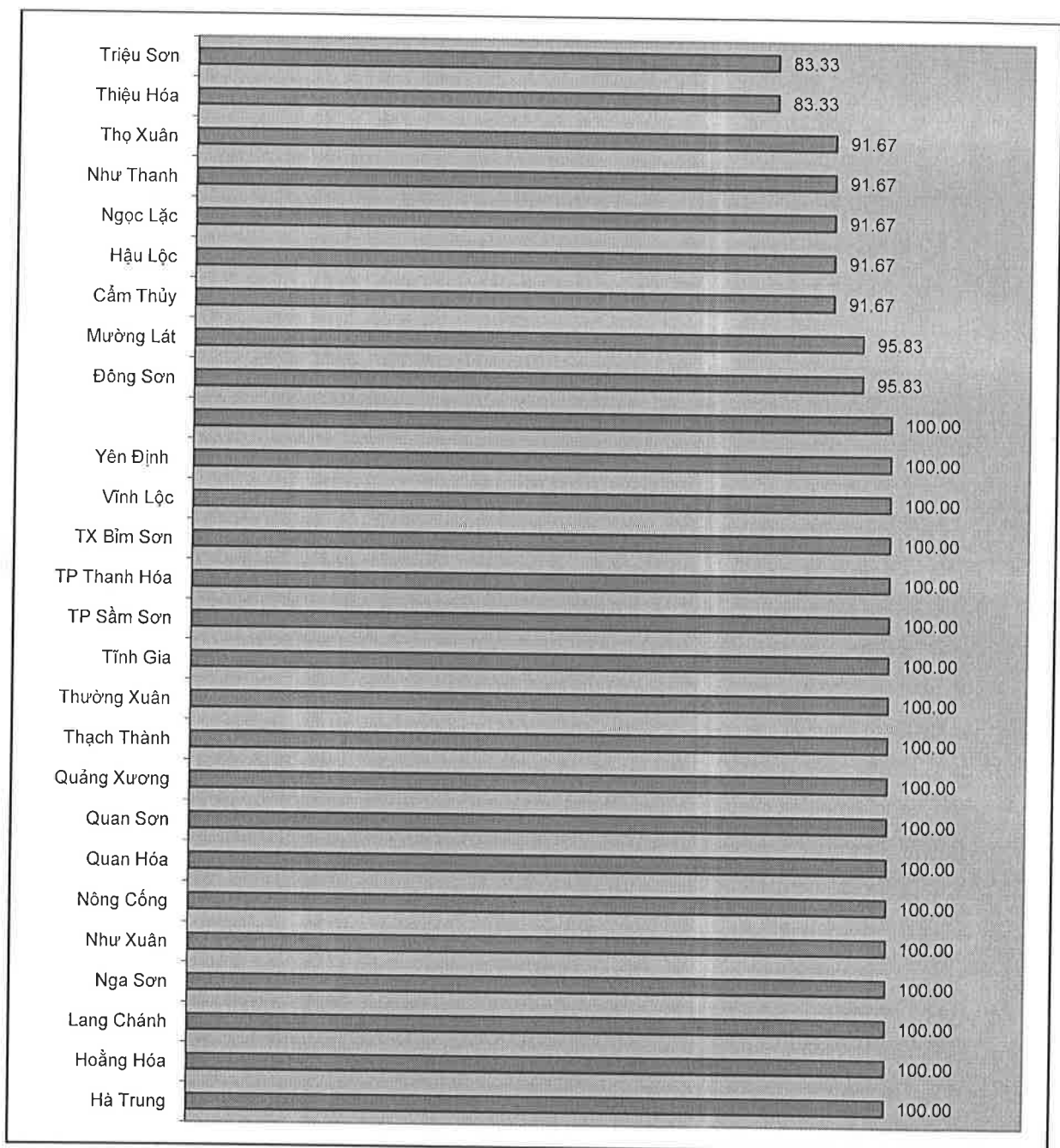
Giá trị trung bình của chỉ số cải cách TTHC của các huyện là 95,96%, tăng 17,29% so với năm 2018. Qua tổng hợp, đánh giá cho thấy Chỉ số thành phần cải cách TTHC không có đơn vị đạt điểm số tối đa, trong đó xếp đầu là 7/27 đơn vị đạt 94,29% gồm: Đông Sơn, Lang Chánh, Nga Sơn, Như Thanh, Quan Sơn, Thường Xuân, Tĩnh Gia; đơn vị xếp vị trí thấp nhất là huyện Mường Lát đạt 80%.

Kết quả này cho thấy các huyện cần tích cực hơn nữa trong chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao Chỉ số cải cách TTHC để phục vụ tổ chức, cá nhân ngày một tốt hơn. Hầu hết TTHC đã được địa phương cập nhật, công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình và các phương tiện thông tin đại chúng, giúp cho người dân, tổ chức dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin về quy trình thực hiện thủ tục trước khi tiến hành giao dịch tại các cơ quan nhà nước, tuy nhiên, việc công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn chưa đồng bộ ở 3 cấp tỉnh, huyện xã. Một số huyện vẫn còn tình giải quyết TTHC quá hạn...(chi tiết tại hình 15).



#### 2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước :

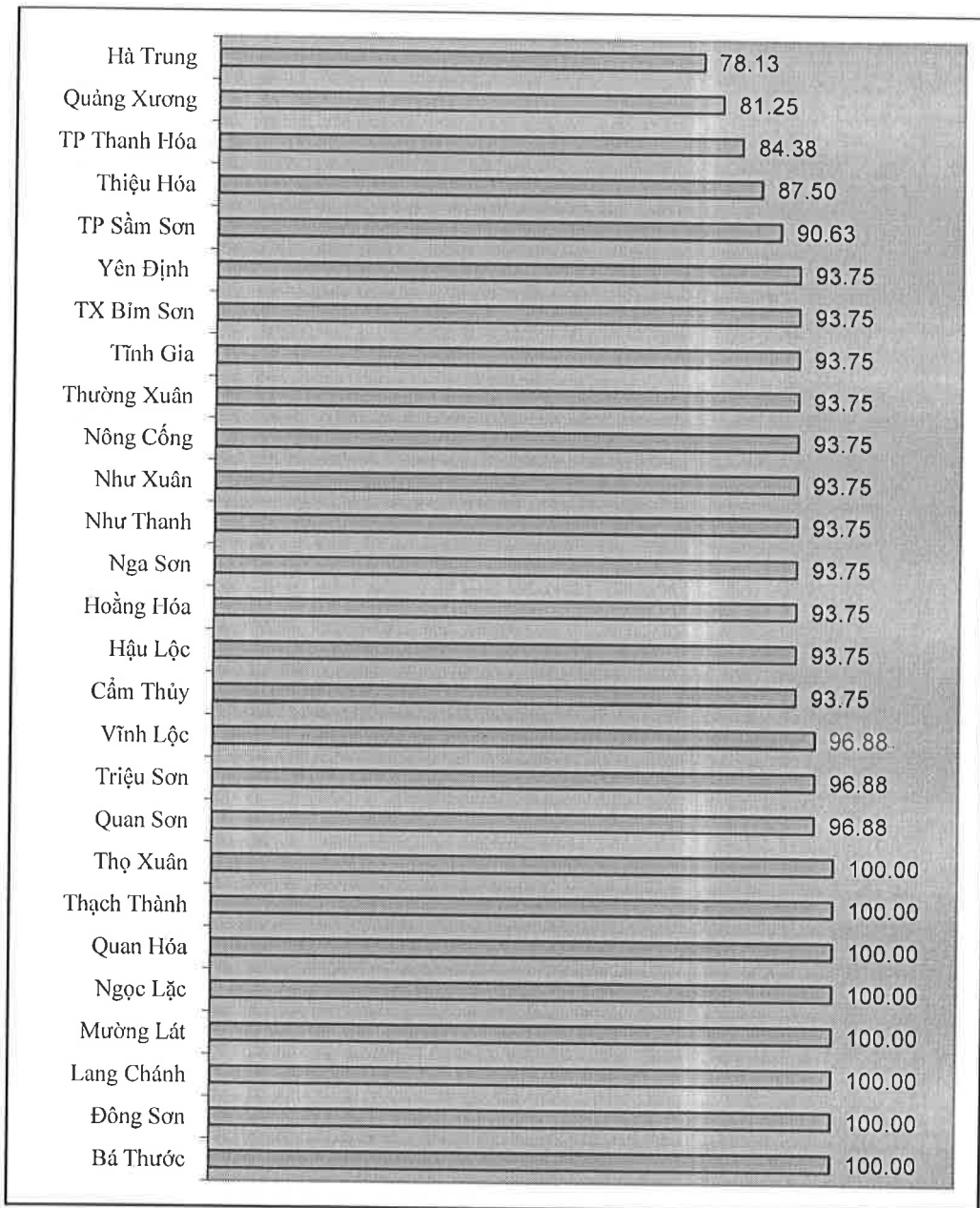
Năm 2019, hầu hết các đơn vị cấp huyện thực hiện tốt về các chủ trương, chính sách của nhà nước liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; theo đó, giá trị trung bình tại tiêu chí này đạt có kết quả cao, đạt 96,91%, tăng 18,16% so với năm 2018. Cụ thể có 18/27 huyện đạt điểm tối đa (12/12 điểm) đạt 100%; còn lại 9/27 huyện đạt kết quả tốt trên 80%. (Chi tiết có hình 16 kèm theo)



Hình 16. Lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

### 2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

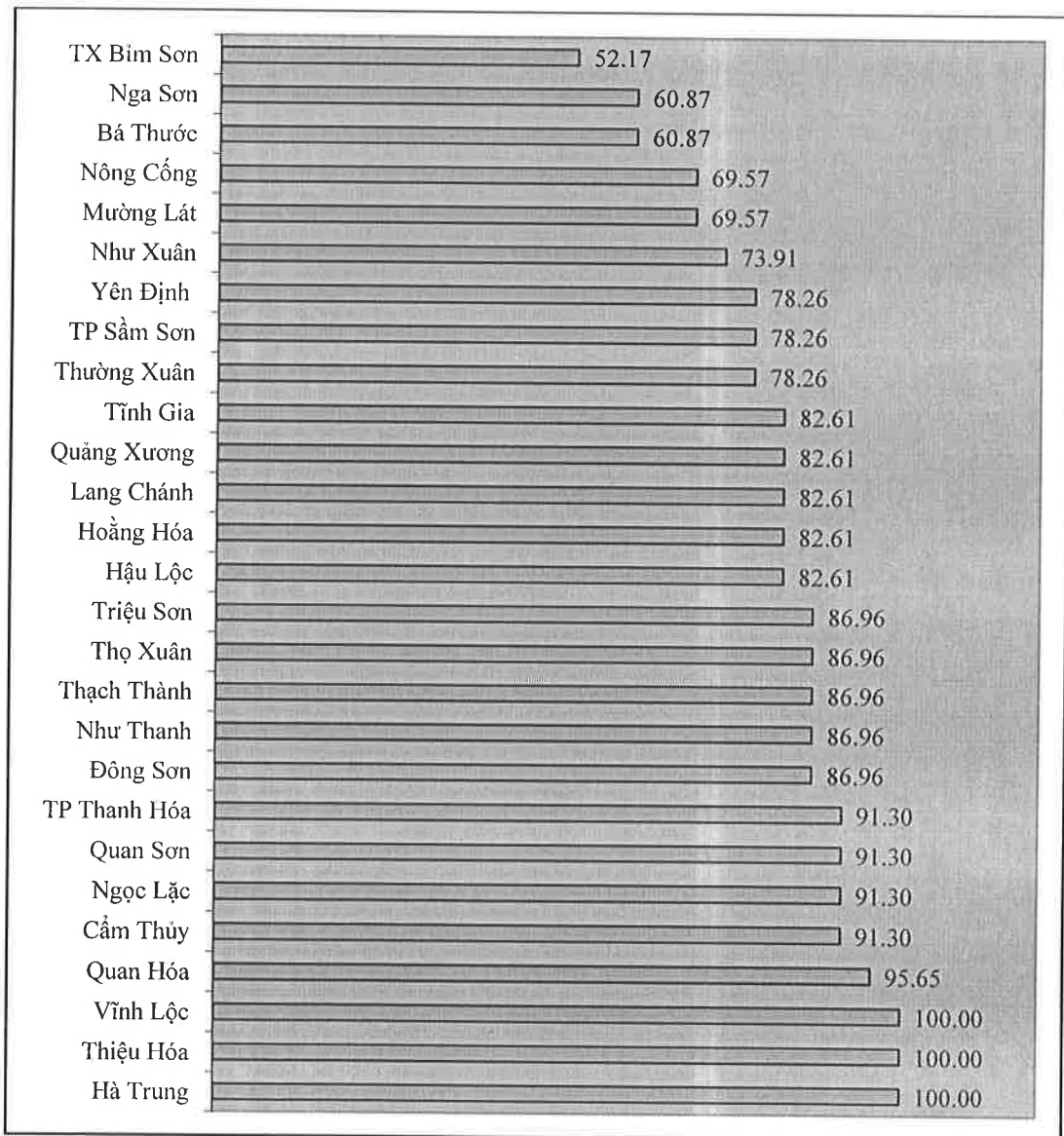
Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này đạt 94,21% tăng 15,52% so với năm 2018; qua đánh giá, các huyện có sự chênh lệch về điểm số đạt được giữa các nhóm điểm, cụ thể: nhóm xuất sắc đạt trên 90% có 23/27 đơn vị, trong đó có 8/23 đơn vị đạt điểm tối đa 100%; nhóm tốt đạt trên 80% có 3/27 đơn vị. Nhóm khá có 01 đơn vị là Hà Trung đạt 78,13%. Nhìn chung, hầu hết các đơn vị đã chú trọng đến việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tuy nhiên, một số đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật kỷ cương nên làm ảnh hưởng kết quả của chỉ số thuộc lĩnh vực này. (chi tiết tại biểu đồ hình 17).



Hình 17. Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

## 2.6. Lĩnh vực cải cách tài chính công

Giá trị trung bình đạt được của Chỉ số thành phần này là 82,6%, giảm 17,39% so với năm 2018. Lý do chỉ số này giảm so với năm 2018 vì hầu hết các tiêu chí thành phần liên quan đến các tiêu chí sau đều bị trừ điểm: Tỷ lệ chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 đều tăng, việc ban hành, triển khai các văn bản liên quan đến quản lý tài sản chuyên dùng một số đơn vị chưa kịp thời ban hành thực hiện.....Qua kết quả đánh giá trên, đề nghị các đơn vị cần nghiêm túc thực hiện các quy định về lĩnh vực tài chính để nâng cao chỉ số CCHC ở lĩnh vực này. (Có chi tiết hình 18 kèm theo).



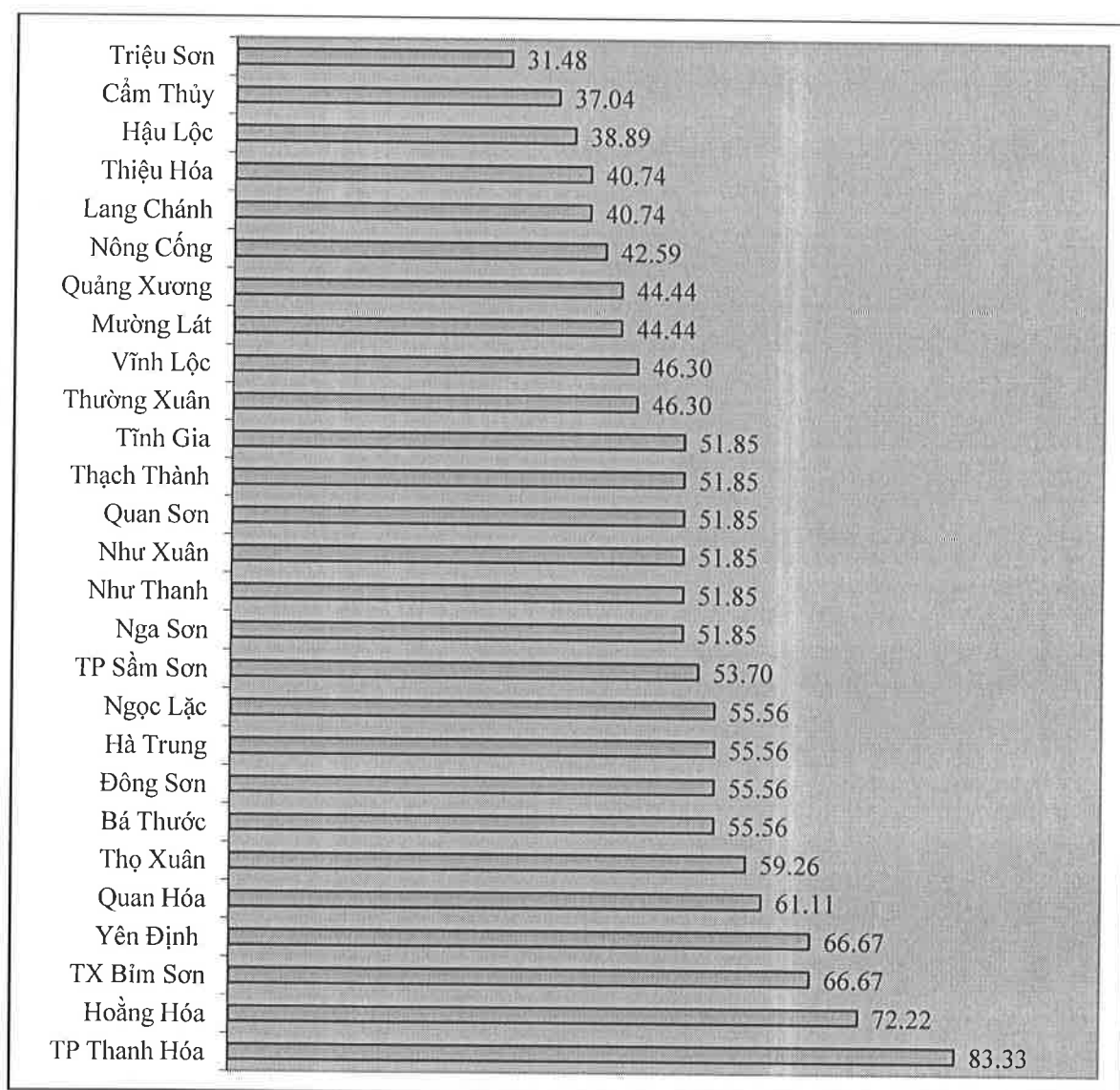
Hình 18. Lĩnh vực cải cách tài chính công



## 2.7. Chỉ số hiện đại hoá hành chính

Chỉ số trung bình ở tiêu chí này khá thấp chỉ đạt 52,19%, giảm 7,19% so với năm 2018, nguyên nhân chính là do hầu hết các đơn vị đều mất điểm tại tiêu chí thành phần: “Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4”; đơn vị đạt chỉ số cao nhất là các huyện: TP Thanh Hóa (đạt 83,33%), Hoàng Hóa (đạt 72,22%); các huyện có chỉ số thấp nhất như: Triệu Sơn (đạt 31,48%), Cẩm Thủy (đạt 37,04%), Hậu Lộc (đạt 38,89%).

Qua đó cho thấy trong thời gian tới đề nghị các huyện cần phải có sự đầu tư nghiêm túc trong việc hiện đại hóa nền hành chính để phát triển nền hành chính chung của tỉnh ngày một hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp được tốt hơn và hướng tới việc xây dựng thành công chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa. (chi tiết tại biểu đồ hình 19).



Hình 19. Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính.



## PHẦN III: KẾT LUẬN

### I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

#### 1. Nhận xét chung

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của các sở có kết quả cao hơn so với các huyện. Điều này cũng có thể nhìn nhận từ sự nghiêm túc trong chỉ đạo, điều hành CCHC của sở; từ sự nhận thức ý nghĩa, vai trò quan trọng và những quyết tâm chính trị của người đứng đầu. Nhiều chỉ số thành phần các sở cũng có giá trị bình quân cao hơn so với một số Chỉ số thành phần chỉ số cải cách hành chính các huyện. Công tác ban hành kế hoạch để định rõ lộ trình và cách thức tổ chức thực hiện triển khai chỉ đạo, điều hành CCHC, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức kiểm tra CCHC, tổ chức bộ máy sẽ góp phần thiết thực đem lại kết quả tốt trong Chỉ số CCHC của các sở và các huyện.

Kết quả chỉ số CCHC 2019 phản ánh tương đối khách quan kết quả triển khai CCHC thực tế của các Sở; các huyện và là nguồn thông tin quan trọng giúp các sở, các huyện nhận biết được những mặt mạnh để phát huy, mặt yếu của mình để khắc phục trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong công tác CCHC năm 2018; từ đó rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp cụ thể để cải thiện Chỉ số CCHC năm 2018 và các năm tiếp theo.

#### 2. Ưu điểm và hạn chế

##### 2.1. Ưu điểm

Các sở, các huyện đã nghiêm túc triển khai công tác tự đánh giá, chấm điểm và kịp thời gửi kết quả về Sở Nội vụ. Việc chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng bảo đảm độ tin cậy cao, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của Sở Nội vụ với các sở, các huyện, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đánh giá. Công tác thẩm định được tổ chức nghiêm túc, phát huy được sự tham gia, phối hợp của các sở trong đánh giá kết quả CCHC, bảo đảm việc đánh giá, chấm điểm các sở, các huyện một cách khách quan, công bằng. Kết quả đánh giá đã có sự đồng thuận, thống nhất cao của các thành viên Tổ thẩm định.

##### 2.2. Hạn chế

- Một số sở, huyện vẫn chưa thực sự quan tâm đến triển khai các nội dung cải cách hành chính. Cá biệt có Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm và gửi tài liệu kiểm chứng theo quy định (Sở Nội vụ

đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần). Chỉ số CCHC vẫn chưa được coi là công cụ trong quản lý công tác cải cách hành chính, do vậy chưa có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời để chấn chỉnh, cải thiện những điểm còn hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong Chỉ số CCHC hàng năm.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu cải cách hành chính và các cơ quan liên quan trong sở, huyện chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Một số sở, huyện tự đánh giá chấm điểm thiếu chính xác nên sau khi rà soát, thẩm định đã có sự chênh lệch lớn giữa điểm tự chấm và điểm đánh giá của Sở Nội vụ. Một số sở, huyện triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo nên ảnh hưởng đến tiến độ và thời gian.

- Hệ thống thông tin quản lý của các sở còn thiếu, dẫn đến thiếu số liệu thống kê khi triển khai công tác theo dõi, đánh giá đối với những lĩnh vực do các sở phụ trách.

## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, các huyện nghiêm túc thực hiện các nội dung, yêu cầu, trách nhiệm triển khai xác định Chỉ số CCHC và sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

- Chỉ đạo các sở, các huyện quan tâm bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Sớm phê duyệt kinh phí để triển khai xây dựng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

### **2. Với các sở, các huyện**

- Đề nghị các sở, các huyện căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2019 tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả Chỉ số CCHC trong phạm vi sở, huyện để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cải cách hành chính và việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Tổ

chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2019; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai cải cách hành chính, qua đó duy trì hoặc cải thiện Chỉ số CCHC của đơn vị mình trong những năm tiếp theo.

- Đề nghị các sở, các huyện quan tâm, phối hợp chặt chẽ hơn với Sở Nội vụ trong triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm để kết quả Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất hơn, để kết quả điểm khách quan, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong cải cách hành chính.

- Các sở, các huyện tăng cường công tác quản lý nhà nước, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng hợp, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý trên từng lĩnh vực một cách thống nhất, chính xác, khách quan, cập nhật thường xuyên, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước nói chung, công tác xác định Chỉ số CCHC hàng năm, nói riêng. / *MO*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT; CCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Thủy**